TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 33/2017/DS-ST.
Ngày 11 - 9 - 2017.
V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng.
2. Ông Hoàng Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLST- DS, ngày 21 tháng 7 năm 2017; về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 08 năm 2017; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà An Thị H – Sinh năm 1967, ông Lương V – Sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Số 91, đường T, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của bà H, ông V: chị Lê Thị Kim T – Sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố X, phường Hưng C, thị xã B, tỉnh Bình Phước (theo giấy ủy quyền số chứng thực: 880/ Quyển số 01/SCT/CK, ĐC ngày 10/7/2017 của UBND phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T – Sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã T1, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà An Thị H có mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lương V là chị Lê Thị Kim T có mặt, bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà An Thị H, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 09/5/2016, ông Phạm Văn T có đến cửa hàng vật liệu xây dựng của bà An Thị H, ông Lương V để mua xi măng giùm Nhà thờ T và số tiền bán vật liệu là

38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng). Sau đó Nhà thờ T có đưa cho ông T số tiền 38.000.000đ để trả cho bà H, ông V nhưng ông T giữ lại mà không giao trả cho bà H, ông V. Bà H, ông V đã yêu cầu ông T nhiều lần trả số tiền 38.000.000đ nhưng ông T không trả. Do đó, bà H, ông V yêu cầu ông T phải trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) mà Nhà thờ T đưa cho ông T để trả cho bà H, ông V trong việc mua vật liệu xây dựng và yêu cầu ông T phải trả lãi theo Ngân hàng Nhà nước từ thời gian ngày 09/5/2016 cho đến nay.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn T:

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số:72/TB-TLVA, ngày 21/7/2017, giấy triệu tập đến Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản để giải quyết vụ án nhưng ông T đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngày 25/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản tiến hành lấy lời khai trực tiếp tại nhà ông T thì ông T trình bày: thừa nhận ngày 09/5/2016 Nhà thờ T có nhờ ông đến Cửa hàng vật liệu xây dựng của bà H, ông V để mua xi măng và có giao cho ông T số tiền số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) để trả tiền vật liệu. Tuy nhiên ông T lấy số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) của Nhà thờ để trả nợ ngoài nên không trả cho bà H, ông V được. Nay trước yêu cầu của bà H, ông V thì ông T cũng đồng ý trả nợ nhưng do khó khăn nên ông T xin trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) vào cuối tháng 8/1017 và xin không trả lãi. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 87/TB-TA, ngày 07/8/2017 nhưng ông T không tham gia mà có đơn xin yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 25/7/2017; Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp ngày 15/8/2017 cho ông T nhưng ông T cũng không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu ý kiến như sau: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. - Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. - Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông Phạm Văn T trả cho bà H, ông V số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) đồng mua vật liệu xây dựng ngày 09/5/2016 và tiền lãi từ ngày 16/8/2016 cho đến nay theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Phạm Văn T có nơi cư trú tại huyện Hớn Quản và bà An Thị H, ông Lương V có đơn yêu cầu ông Phạm Văn T trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) đã mua vật liệu xây dựng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Phạm Văn T vắng mặt có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho ông T theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Từ ngày 09/5/2016 đến 01/6/2016, Bà An Thị H, ông Lương V có bán cho Nhà thờ T vật liệu xây dựng xi măng với giá tiền tổng cộng 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) thông qua người đi mua thay cho Nhà thờ là ông Phạm Văn T. Sau đó, Nhà Thờ có giao cho ông T trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) cho bà H, ông V nhưng ông T không trả mà sử dụng tiền để trả nợ cho người khác. Ông Phạm Văn T có làm giấy nợ ngày 01/8/2016 hẹn 15 ngày sau thì trả đủ tiền cho bà H, ông V nhưng đến ngày trả nợ thì ông T vẫn không thực hiện. Tại phiên Tòa, bà H, ông V yêu cầu ông T trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 16/8/2016 cho đến nay. Ông T không có mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2017 thì ông T cũng thừa nhận nội dụng như đơn khởi kiện của bà H, ông V. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định giữa các bên có quan hệ mua bán và vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên khi mua bán xong bà H, ông V đều biết việc bán vật liệu xây dựng cho Nhà thờ T nhưng bà H, ông V không yêu cầu Nhà thờ T trả tiền mà vẫn để cho ông T đứng ra nhận nợ và viết giấy nợ ngày 01/8/2016 nên bà H, ông V đã đồng ý chuyển giao nghĩa vụ từ Nhà thờ T cho ông T là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 370 Bộ luật dân sự thì đây là vụ án " Kiện đòi tài sản: thực hiện nghĩa vụ trả tiền " nên yêu cầu của bà An Thị H, ông Lương V được chấp nhận và buộc ông Phạm Văn T trả số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) mà ông T nhận tiền của Nhà thờ T để trả tiền vật liệu xây dựng cho bà H, ông V mua ngày 09/5/2016 đến 01/6/2016.

[4] Về lãi suất: Do ông Phạm Văn T đã vi phạm việc giao trả tiền từ ngày 16/8/2016 nên bà H, ông V yêu cầu ông T trả số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền lãi suất cơ bản theo Ngân hàng nhà nước từ thời gian ngày 16/8/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 351, 353, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của bà H, ông V được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức lãi suất cơ bản Ngân hàng nhà nước tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ cũng như thời điểm xét xử theo quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày

29/11/2010 là mức 9,0%/năm và thời gian ông T chậm thực hiện là 12 tháng 25 ngày. Buộc ông T phải trả số tiền lãi cho bà H, ông V là 38.000.000đ x 0,75%/tháng x 12 tháng 25 ngày = 3.657.500đ (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng số tiền ông T phải trả cho bà H, ông V là 38.000.000đ nợ vật liệu + 3.657.500đ tiền lãi = 41.657.500đ (bốn mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà An Thị H, ông Lương V được chấp nhận nên cần buộc ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà An Thị H, ông Lương V là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 351, 353, 357, 430, 440, 368; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015
- Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 26 Luật Thị hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về " Kiện đòi tài sản" của bà An Thị H, ông Lương V .

1. Buộc ông Phạm Văn T trả lại số tiền: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), tiền nợ vật liệu xây dựng và 3.657.500đ (ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền lãi; tổng cộng số tiền ông Phạm Văn T phải trả cho bà An Thị H, ông Lương V là 41.657.500đ (mươi mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí: ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.083.000đ (hai triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả án phí cho bà An Thị H, ông Lương V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000đ theo biên lai số 0012245 ngày 21/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3.Về quyền kháng cáo: bà An Thị H, ông Lương V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Võ Văn Vân